

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 133/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 11/8/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thái Dìn

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐ-ST, ngày 22/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị V – Sinh năm: 1986

Trú tại: Thôn T, Thị trấn Ph, Cẩm Thủy, Thanh Hóa

Có mặt

Bị đơn: anh Bùi Văn L - Sinh năm: 1984

Trú tại: Thôn T, Thị trấn Ph, Cẩm Thủy, Thanh Hóa

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, quá trình làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày:

Chị và anh Bùi Văn L lấy nhau năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, nay là Thị trấn Ph. Hai bên lấy nhau là tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Sau khi cưới nhau xong chị và anh sống cùng với bố mẹ chồng, một thời gian sau thì ra ở riêng. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cãi nhau hàng ngày. Mặt khác anh L ốm đau suốt nhưng gia đình nhà chồng không thông cảm, không hỗ trợ chi. Vợ chồng ly thân từ năm 2019, chị và hai con đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã V ở từ năm 2019 đến nay, chị cũng đã chuyển trường cho các cháu học hành ổn định ở đó. Nay chị thấy cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm, không thể duy trì được nữa. Chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Bùi Đức L – sinh ngày: 02/02/2009; Bùi Đức H – Sinh ngày: 13/11/2014. Hiện nay hai con đang ở với chị và đi học tại xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do anh L bệnh tật, ốm đau thường xuyên, không có công việc, không có thu nhập, các con đang còn nhỏ, chưa tự lập được, nên để đảm bảo điều kiện học hành, phát triển của các con, chị đề Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Bùi Đức L: Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2020, anh L trình bày: Anh và chị Trần Thị V lấy nhau năm 2007 có đăng ký kết hôn, hôn nhân là tự nguyện, tự do tìm hiểu. Trong quá trình chung sống thình thoảng vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ, nhưng anh chưa bao giờ đánh đập vợ. Nay chị V làm đơn đề nghị ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Anh L thống nhất vợ chồng có 2 con chung như chị V trình bày. Mặc dù lâu nay anh ốm đau, bệnh tật nhưng anh vẫn chăm sóc các con tốt. Nay ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu Bùi Đức L – Sinh ngày: 02/02/2009. Nếu anh không có khả năng về kinh tế để nuôi con thì bố mẹ, anh em ruột của anh sẽ nuôi con giúp anh.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 56; 81;82 và 83 – Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147 – BLTTDS; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị V được ly hôn anh L. Đề nghị giao 2 con cho chị V nuôi dưỡng và buộc chị V phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị V làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Bùi Văn L có hộ khẩu thường trú tại: Thôn T, Thị trấn Ph, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án, anh L đồng ý ly hôn. Nhưng sau đó anh không tham gia phiên hòa giải với lý do không muốn ly hôn nữa. Tòa án nhân dân huyện C đã tổng đạt các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho anh L, nhưng anh L không có mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về Hôn nhân: chị V, anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện C, Thanh Hóa, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Quá trình chung sống, Chị V, anh L phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau. Mặc dù hai bên đã cố gắng chung sống hòa thuận nhưng không được. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Văn L không thể hiện rõ lập trường quan điểm của mình, lúc đầu đồng ý ly hôn, sau đó lại không đồng ý, nhưng không có thiện chí hợp tác, không đến tham gia phiên hòa giải, không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ hay biện pháp gì để cải thiện đời sống chung của vợ chồng, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị được giải quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho chị Trần Thị V được ly hôn anh Bùi Văn L là phù hợp.

Về con chung: Chị V và anh L có 2 con chung là Bùi Đức L – sinh ngày: 02/02/2009; Bùi Đức H – Sinh ngày: 13/11/2014. Chị V có nguyện vọng được nuôi cả hai con, anh L có nguyện vọng nuôi cháu Bùi Đức Lộc. Xét nguyện vọng nuôi con của chị V, anh L là chính đáng. Tuy nhiên xem xét điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con của các bên thì thấy: Anh L hiện nay đang bị bệnh động kinh, thường xuyên phải đi khám định kỳ và uống thuốc hàng ngày, không đi làm được, không có thu nhập, sống phụ thuộc vào bố mẹ đẻ. Tại biên bản lấy lời khai cháu Bùi Đức L trình bày cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Căn cứ vào điều kiện, tình hình thực tế của hai bên, căn cứ vào nguyện vọng của con, nhằm đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, học hành và chăm sóc con, nghĩ nên giao cả hai con cho chị V nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo theo quy định tại điều 81 – Luật Hôn nhân và gia đình. Chị V không yêu cầu anh Lợi cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Chị V, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 96; điểm b khoản 2 điều 227 - Bộ luật TTDS. Căn cứ vào các điều 51; điều 56; điều 81; điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị V. Xử cho chị V được ly hôn anh Bùi Văn L. Quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh L chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Bùi Đức L – sinh ngày: 02/02/2009; Cháu Bùi Đức H – Sinh ngày: 13/11/2014, cho chị V nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị V không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị V phải chịu 300.000đ án phí DSST, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003271, ngày 19/5/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa
- Chi cục THADS H.C
- UBND Thị trấn Ph;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Dung